

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 121/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1994; địa chỉ: đường B, Tổ A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: anh Mai Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn I, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 09 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 09 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị Kim N và anh Mai Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: chị Trần Thị Kim N và anh Mai Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Trần Thị Kim N và anh Mai Văn T thừa nhận vợ chồng có

một con chung, cháu tên là Mai Phước T1, sinh ngày 26/01/2017. Chị N và anh T thỏa thuận giao cháu T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh T.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị Trần Thị Kim N và anh Mai Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Trần Thị Kim N và anh Mai Văn T thỏa thuận, chị N chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0001169 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho chị N 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Ủy ban nhân dân xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đào Văn Nam